

Bản án số: **581/2025/HNGĐ - ST**
Ngày: 24/11/2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phú
2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định xét xử số 732/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 565/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Phi L**, sinh ngày: 04/4/1985

Địa chỉ: A, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: A, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông L có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Kim N**, sinh ngày: 19/3/1989

CCCD số: 051189000266 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021

Địa chỉ: A, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: A, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phi L trình bày: Ông và bà Võ Thị Kim N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số

80, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phô Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/10/2008. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mặc dù vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày trầm trọng. Nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị Kim N để ổn định cuộc sống. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 25/3/2017. Ly hôn, ông Nguyễn Phi L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và ông không yêu cầu bà Võ Thị Kim N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung ông khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Kim N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn bà Võ Thị Kim N vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Phi L có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Thị Kim N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N có nơi cư trú tại phường Bảy Hiền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông Nguyễn Phi L có đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thị Kim N vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi L:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/10/2008 thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn khai giữa 2 bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình, cuộc sống chung không có sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ và cả hai không còn tình cảm nên cả hai đã ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn để ổn định cuộc sống. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù sống ly thân 06 tháng nay nhưng không có biện pháp hàn gắn với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía bị đơn đều vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] *Về con chung:* Nguyên đơn xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 25/3/2017. Ly hôn, ông Nguyễn Phi L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Võ Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 25/3/2017 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông L khai tài sản chung và nợ chung không có. Hội đồng xét xử nhận thấy, do hiện nay bà N vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, về tài sản chung, nợ chung giữa ông L và bà N Hội đồng xét xử không xem xét. Vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi L:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phi L được ly hôn với bà Võ Thị Kim N.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 25/3/2017. Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H và Nguyễn Ngọc Phương U cho ông Nguyễn Phi L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Võ Thị Kim N do ông L chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung* : Ông L khai không có.

- *Về nợ chung*: Ông L khai không có.

2. *Về án phí*: Ông Nguyễn Phi L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông L đã nộp theo biên lai số 0006592 ngày 30/7/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Phi L đã nộp đủ án phí.

3. *Quyền kháng cáo, kháng nghị*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

4. *Về nghĩa vụ thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 – Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 80, quyển số 01 do UBND xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 27/10/2008)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thiện